

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

*Đã tiếp thu ý kiến thẩm tra
của Ban VHXX, HĐND tỉnh*

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;
Căn cứ khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC
ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh
phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;
Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-HĐND-VHXX ngày 21 tháng 6 năm
2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

Điều 2. Nội dung, mức chi

1. Nội dung chi

a) Chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp tỉnh tổ chức: Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên; Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực; Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

b) Chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác do cấp tỉnh tổ chức: Kỳ thi Olympic các môn văn hóa; Kỳ thi nghề phổ thông; Cuộc thi thí nghiệm - thực hành dành cho học sinh phổ thông; Cuộc thi khoa học kỹ thuật; Hội thi giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm lớp giỏi; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh khác.

c) Chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp huyện tổ chức: Kỳ thi chọn học sinh giỏi; Cuộc thi thí nghiệm - thực hành dành cho học sinh phổ thông; Hội thi giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm lớp giỏi; Cuộc thi khoa học kỹ thuật; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện khác.

2. Mức chi

a) Mức chi cho các nội dung tại điểm a, khoản 1, Điều này được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Mức chi cho các nội dung tại điểm b, khoản 1 được chi 80% định mức theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Mức chi cho các nội dung tại điểm c, khoản 1 được chi 70% định mức theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

d) Mức chi quy định tại Nghị quyết này là mức chi tối đa, được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

3. Các nội dung, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTTU, TT.HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT (Sở TT&TT);
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục
MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC
GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi tiền công cho các chức danh		
1.1	Hội đồng/Ban ra đề thi		
a	Chủ tịch/Trưởng Ban	Người/ngày	640
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	580
c	Thư ký, bảo vệ, y tế vòng trong (24/24h)	Người/ngày	510
d	Thư ký, bảo vệ, y tế vòng ngoài	Người/ngày	200
1.2	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	640
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	580
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, y tế làm việc cách ly vòng trong (24/24h)	Người/ngày	510
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế vòng ngoài	Người/ngày	200
1.3	Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi		
a	Trưởng ban	Người/ngày	640
b	Thành viên, công an	Người/ngày	300
1.4	Ban Chỉ đạo thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)		
a	Trưởng ban	Người/ngày	750
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	675

d	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	600
đ	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	200
1.5	<i>Hội đồng thi</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	675
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	640
c	Ủy viên	Người/ngày	570
1.6	<i>Ban Thư ký</i>		
a	Trưởng ban	Người/ngày	610
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	570
c	Ủy viên	Người/ngày	510
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	200
1.7	<i>Hội đồng/Ban Coi thi</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	675
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	640
c	Trưởng Điểm	Người/ngày	570
d	Phó Trưởng điểm	Người/ngày	510
đ	Ủy viên, thư ký, giám thi/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	450
e	Trật tự viên, y tế, công an, bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	200
1.8	<i>Ban/Tổ Làm phách</i>		
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	675
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	570
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly vòng trong (24/24 h)	Người/ngày	510
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200

1.9	<i>Hội đồng/Ban chấm thi</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	675
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	570
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	450
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	200
2	<i>Tiền công ra đề thi</i>		
2.1	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>		
a	Chủ trì	Người/ngày	750
b	Các thành viên	Người/ngày	550
2.2	<i>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận</i>		
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Đề	400
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	500
c	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đề theo phân môn	600
2.3	<i>Tiền công ra đề chính thức và dự bị</i>		
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Người/ngày	600
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	700
c	Thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	750
3	<i>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi</i>		
3.1	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>		
a	Chủ trì	Người/ngày	600
b	Thành viên	Người/ngày	500
3.2	<i>Tiền công đối với câu hỏi</i>		

a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	35
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	30
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	25
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	18
đ	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	5
3.3	<i>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trúc nghiệm</i>		
a	Chủ trì	Người/ngày	750
b	Thành viên	Người/ngày	510
4	Tiền công chấm bài thi		
4.1	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông(chấm tối thiểu 20 bài/ngày)	Người/ngày	400
4.2	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (chấm tối thiểu 10 bài/ngày)	Người/ngày	520
4.3	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông (chấm tối thiểu 20 bài/ngày)	Người/ngày	450
4.4	Thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (chấm tối thiểu 5 bài/ngày)	Người/ngày	520
5	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó tổ chấm thi:Thi chọn học sinh giỏi tỉnh; thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông; thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia	Người/đợt	300
6	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi đội tuyển học sinh giỏi cấp tỉnh dự thi cấp quốc gia		
6.1	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	300
6.2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	500

6.3	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	500
6.4	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	300
7	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trong khi thi		
7.1	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	675
7.2	Phó trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	570
7.3	Thành viên	Người/ngày	450
7.4	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	510